TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tăng Ngọc Châu.

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị S, sinh năm X (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TB, xã LT, thành phố Cần Thơ.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Biện Công N, thuộc Văn phòng Luật sư Biện Công N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số X đường TVB, ấp A, xã PL, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Sơn T, sinh năm W (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực BD, phường VP, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Lâm Thị S trình bày:

Bà Lâm Thị S và ông Sơn T đăng ký kết hôn ngày 04/3/2014 tại UBND phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường

Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng sống chung thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Hiện nay bà S và ông T không còn sống chung với nhau. Nay bà S xin yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà S và ông T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/11/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Biện Công N trình bày: Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S.

- Đối với bị đơn ông Sơn T: Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Lâm Thị S, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Biện Công Nặng và bị đơn ông Sơn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà S, ông Nặng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông Nặng và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị S và ông Sơn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị S và ông Sơn T là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà S và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà S và ông T đã không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được dẫn đến bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều

56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[3] Về con chung: Bà S và ông T không có con chung, bà S và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lâm Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S đối với bị đơn ông Sơn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị S được ly hôn với ông Sơn T.

2. Về con chung: Bà Lâm Thị S và ông Sơn T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị S và ông Sơn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lâm Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0007720 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lâm Thị S đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND phường Vĩnh Phước, TP Cần Thơ;
(Theo GCNKH số 74/2014 ngày 04/3/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến